

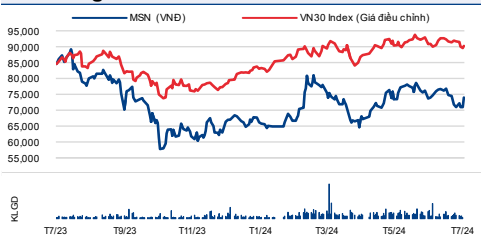
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ92,900
Tiềm năng tăng/giảm: 25.5%

Giá cổ phiếu (đồng) (26/7/2024)	74,000
Mã Bloomberg	MSN VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	57,800-89,200
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	71,940
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	105,882
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	4,183
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,431
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	701
Slg CP NN được mua (tr.đv)	324
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	26.3%
Tỷ lệ freefloat	0%
Cổ đông lớn	ông ty cổ phần Masan (31.2%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	78,252	83,714	89,664
EBITDA đc (tỷ đồng)	8,302	9,571	11,356
LNTT (tỷ đồng)	2,563	4,917	8,026
LNT ĐC (tỷ đồng)	419	2,088	4,680
FCF (tỷ đồng)	(1,728)	(631)	753
EPS ĐC (đồng)	294	1,402	3,114
DPS (đồng)	-	-	-
BVPS (đồng)	18,647	24,302	27,573
T.trưởng EBITDA (%)	(8.52)	15.3	18.7
T.trưởng EPS ĐC (%)	(88.3)	397	124
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	-
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	10.6	11.4	12.7
Tỷ suất LNTT (%)	3.28	5.87	8.95
Tỷ suất LNT ĐC (%)	0.54	2.49	5.22
Tỷ lệ LN trả CT (%)	-	-	-
Nợ thuần/VCSH (%)	227	154	131
ROAE (%)	1.59	6.81	12.6
ROACE (%)	4.83	5.18	6.47
EV/doanh thu (lần)	2.11	1.89	1.75
EV/EBITDA ĐC (lần)	19.9	16.6	13.8
P/E ĐC (lần)	252	52.8	23.8
P/B (lần)	3.97	3.04	2.68
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Masan thông qua các công ty con và công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực bán lẻ, sản phẩm tiêu dùng nhanh có thương hiệu, thịt mát có thương hiệu, nguyên liệu cơ bản và dịch vụ tài chính.

Chuyên viên phân tích

Trần Hương Mỹ
Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

KQKD Q2/2024: Cải thiện ở tất cả các mảng kinh doanh

- MSN ghi nhận 503 tỷ đồng lợi nhuận thuần trong Q2/2024, cao hơn dự báo của HSC ở mức 419 tỷ đồng. Sự cải thiện trong H&KD của MCH, WCM, MHT, và tất cả các mảng kinh doanh chính khác đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận thuần của Công ty.
- MCH, công ty trực thuộc chủ chốt của Tập đoàn Masan duy trì đà tăng trưởng, với lợi nhuận thuần tăng 8% so với cùng kỳ, trong khi EBITDA của WCM tăng 11% so với cùng kỳ nhưng vẫn thấp hơn dự báo của chúng tôi. Nhờ có giá bán cao hơn, MHT giảm lỗ 30%.
- HSC duy trì khuyến nghị Mua vào đối với MSN, cũng như giữ nguyên giá mục tiêu và dự báo lợi nhuận. Giá cổ phiếu đã tăng 10% trong 3 tháng qua.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2024

KQKD Q2/2024 của MSN tích cực và vượt dự báo của chúng tôi. Doanh thu thuần đạt 20,1 nghìn tỷ đồng, tăng 8% so với cùng kỳ và sát với dự báo. Trong khi đó, lợi nhuận thuần tăng 379% so với cùng kỳ đạt 503 tỷ đồng, cao hơn 20% so với dự báo của chúng tôi ở mức 419 tỷ đồng. Lợi nhuận của MSN tăng mạnh nhờ lợi nhuận của Masan Consumer (MCH), WinCommerce (WCM), Masan High-Tech Materials (MHT), Techcombank (TCB) và tất cả các mảng kinh doanh chính khác tăng.

Trong nửa đầu năm 2024, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần đạt lần lượt 38.989 tỷ đồng và 607 tỷ đồng, tăng lần lượt 4% và 90% so với cùng kỳ. Mặc dù lợi nhuận thuần vừa được báo cáo chỉ đạt 29% dự báo cho cả năm 2024 ở mức 2.088 tỷ đồng, nhưng chúng tôi giữ nguyên dự báo vì khả năng lợi nhuận sẽ tăng mạnh hơn trong nửa cuối năm 2024.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 29/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2024 hợp nhất, MSN

Tỷ đồng	Q2/24	% sv cùng kỳ	Q2/24F	Thực tế/ Dự báo	6T2024	% sv cùng kỳ
Doanh thu thuần	20,134	8%	20,063	100%	38,989	4.5%
Lợi nhuận gộp	5,918	11%			11,173	7.3%
Lỗ tài chính	(1,404)	-3%			(2,729)	-2.2%
Chi phí BH&QL	(4,613)	6%			(9,164)	7.7%
Lợi nhuận từ công ty LD, LK	1,273	38%			2,522	32.7%
LNTT	1,169	159%			1,802	74.6%
LNST trước lợi ích của cổ đông thiểu số	946	120%			1,424	64%
Lợi ích của cổ đông thiểu số	443	37%			818	49%
Lợi nhuận thuần	503	379%	419	120%	607	90%
EBITDA*	2,245	16%			3,992	1%
EBITDA điều chỉnh*	3,823	21%			7,111	10%

Ghi chú: *100% thuộc MSN, loại trừ TCB (MSN nắm 19.9% cổ phần). EBITDA điều chỉnh bao gồm lợi nhuận từ các công ty LD, LK & các khoản trả trước dài hạn
Nguồn: MSN, HSC

Ngành hàng tiêu dùng: Duy trì đà tăng trưởng, sát với dự báo

MCH (Mua vào- Giá mục tiêu 251.100 đồng); MSN nắm giữ 68% cổ phần) báo cáo KQKD vững chắc, với doanh thu thuần và lợi nhuận thuần tăng lần lượt 14% và 8% so với cùng kỳ đạt 7.387 tỷ đồng và 1.756 tỷ đồng. Doanh thu của MSN tăng nhờ doanh thu thực phẩm tiện lợi tăng 21% so với cùng kỳ, sản phẩm gia vị tăng 9%, và đồ uống tăng 18% so với cùng kỳ. Trong khi tỷ suất lợi nhuận gộp của MCH khá ổn định, chi phí bán hàng cao kéo tỷ suất lợi nhuận giảm xuống 24,2% (từ mức 25,6% trong Q2/2023).

KQKD thực tế của MCH sát với dự báo của chúng tôi (doanh thu thuần và lợi nhuận thuần lần lượt ở mức 7.449 tỷ đồng và 1.789 tỷ đồng).

Bán lẻ bách hóa: Cải thiện so với cùng kỳ, nhưng thấp hơn dự báo

WinCommerce (chưa niêm yết; MSN nắm giữ 71,5% cổ phần) ghi nhận doanh thu và EBITDA tăng lần lượt 9% và 11% so với cùng kỳ đạt 7.844 tỷ đồng và 172 tỷ đồng. Tuy nhiên, doanh thu và EBITDA đạt được thấp hơn dự báo của chúng tôi lần lượt 3% và 36%.

So với Q1/2024, doanh thu thuần và EBITDA giảm lần lượt 1% và 31% do (1) yếu tố thời vụ, vì doanh thu quý 2 trở lại mức bình thường vì không rơi vào dịp Tết như quý 1, và (2) chi phí điện tăng do thời tiết nóng.

BLĐ nhấn mạnh rằng mức tăng trưởng hàng tháng so với cùng kỳ (chủ yếu là tăng trưởng doanh thu trên cùng một cửa hàng) liên tục tăng và đạt mức tăng trưởng 9,7% trong tháng 6/2024 nhờ chủng loại sản phẩm đa dạng hơn và các chương trình khuyến mãi hiệu quả. Doanh thu trên mỗi cửa hàng tăng và việc cắt giảm chi phí đã giúp WCM đạt LNST vững chắc trong tháng 6. Trong Q2/2024, doanh thu tăng 6,8% so với cùng kỳ (cao hơn mức 5,7% trong Q1/2024 và doanh thu tăng trưởng âm so với cùng kỳ trong năm 2023).

BLĐ tin rằng WCM sẽ ghi nhận EBIT dương trong năm 2024 nhờ doanh thu tăng.

MHT: Giảm lỗ nhờ giá bán cao, KQKD vượt dự báo

MHT (MSR, chưa khuyến nghị; MSN nắm giữ 86,4% cổ phần) công bố doanh thu thuần 3.652 tỷ đồng, tăng 3% so với cùng kỳ và cao hơn 7% so với dự báo của HSC. EBITDA tăng 63% đạt 582 tỷ đồng, cao hơn nhiều so với dự báo của chúng tôi ở mức 317 tỷ đồng, trong khi lỗ thuần giảm 30% xuống 359 tỷ đồng, thấp hơn dự báo lỗ 500 tỷ đồng nhờ giá vonfram và các sản phẩm khác cao hơn dự kiến. Đáng lưu ý, mức giảm lỗ thuần 194 tỷ đồng của MHT là yếu tố đóng góp lớn thứ 2 vào việc cải thiện (so với cùng kỳ) lợi nhuận thuần Q2/2024 của MSN.

Đóng góp của TCB: Tăng 39% so với cùng kỳ, vượt nhẹ dự báo

Phần lợi nhuận từ công ty liên kết Techcombank (TCB; Mua vào, giá mục tiêu 28.250đ; MSN nắm giữ 19,9% cổ phần) tăng mạnh 39% so với cùng kỳ lên 1.239 tỷ đồng, cao hơn dự báo của chúng tôi ở mức 1.180 tỷ đồng. Mức tăng lợi nhuận thuần của TCB là yếu tố đóng góp lớn nhất vào sự cải thiện lợi nhuận của MSN trong quý báo cáo.

MML: KQKD cải thiện và sát với dự báo

Masan MEATLife (MML; chưa khuyến nghị; MSN nắm giữ 94,9% cổ phần) ghi nhận 1.790 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 5% và EBITDA đạt 125 tỷ đồng, tăng 594% so với cùng kỳ (không thay đổi so với quý trước). BLĐ cho biết MML tiếp tục ghi nhận EBIT tích cực, nhưng thông tin chi tiết về EBIT và mức lỗ thuần (hoặc lãi thuần) vẫn chưa được công bố. Doanh thu thuần và EBITDA ghi nhận trong quý báo cáo sát với dự báo của chúng tôi.

Doanh thu bán thịt lợn tươi và thịt chế biến tăng mạnh, thúc đẩy tăng trưởng doanh thu chung, trong khi tỷ suất lợi nhuận cải thiện đáng kể nhờ tỷ suất lợi nhuận thịt chế biến tăng. Giá thịt gà và thịt lợn tăng khi giá thức ăn chăn nuôi giảm đã hỗ trợ tỷ suất lợi nhuận mảng chăn nuôi.

Lỗ tài chính giảm 3%, cao hơn một chút so với dự báo

Lỗ tài chính giảm 3% so với cùng kỳ xuống 1.405 tỷ đồng và cao hơn một chút so với dự báo của HSC. Chi phí lãi vay giảm chỉ 9% so với cùng kỳ, chậm hơn dự báo ở mức 12%, mặc dù nợ thuần giảm đáng kể 13% so với đầu năm xuống 45.894 tỷ đồng. Chúng tôi dự báo chi phí lãi vay giảm mạnh hơn trong nửa cuối năm 2024.

Duy trì khuyến nghị Mua vào, giá mục tiêu và dự báo

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào, giữ nguyên giá mục tiêu 92.900đ và dự báo lợi nhuận cho giai đoạn 2024-2026.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	76,189	78,252	83,714	89,664	94,911
Lợi nhuận gộp	21,035	22,121	24,553	27,339	29,785
Chi phí BH&QL	(16,366)	(17,942)	(19,417)	(20,584)	(21,647)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	4,669	4,179	5,136	6,755	8,138
Lãi vay thuần	(4,848)	(7,422)	(6,189)	(5,821)	(5,840)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	4,340	3,896	4,972	6,077	7,306
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	986	1,911	998	1,014	973
LNTT	5,147	2,563	4,917	8,026	10,577
Chi phí thuế TNDN	(393)	(693)	(1,030)	(1,137)	(1,269)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1,187)	(1,451)	(1,799)	(2,209)	(2,611)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	3,567	419	2,088	4,680	6,696
Lợi nhuận thuần ĐC	3,567	419	2,088	4,680	6,696
EBITDA ĐC	9,076	8,302	9,571	11,356	12,904
EPS (đồng)	2,505	294	1,460	3,271	4,680
EPS ĐC (đồng)	2,505	294	1,402	3,114	4,455
DPS (đồng)	-	-	-	-	-
Sig CP bình quân (triệu đv)	1,424	1,424	1,430	1,431	1,431
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	1,424	1,424	1,431	1,431	1,431
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,424	1,424	1,503	1,503	1,503

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	13,853	10,125	12,341	11,797	13,510
Đầu tư ngắn hạn	3,659	6,795	6,795	6,795	6,795
Phải thu khách hàng	13,930	11,985	12,197	12,434	12,688
Hàng tồn kho	14,445	13,175	14,094	15,096	15,980
Các tài sản ngắn hạn khác	1,787	1,684	1,674	1,664	1,654
Tổng tài sản ngắn hạn	47,675	43,763	47,101	47,786	50,626
TSCĐ hữu hình	30,612	30,469	30,679	31,465	32,126
TSCĐ vô hình	12,575	12,106	11,355	10,604	9,853
Bất động sản đầu tư	730	709	601	543	485
Đầu tư dài hạn	2,854	2,938	2,938	2,938	2,938
Đầu tư vào Cty LD,LK	28,480	30,282	34,123	39,069	45,245
Tài sản dài hạn khác	18,418	27,117	26,812	26,524	26,188
Tổng tài sản dài hạn	93,668	103,620	106,508	111,143	116,834
Tổng cộng tài sản	141,343	147,383	153,609	158,929	167,460
Nợ ngắn hạn	40,567	28,030	28,960	27,596	27,461
Phải trả người bán	7,489	6,318	6,659	7,015	7,330
Nợ ngắn hạn khác	16,161	14,109	14,398	14,784	15,125
Tổng nợ ngắn hạn	65,321	50,423	52,139	51,688	52,385
Nợ dài hạn	30,426	41,542	36,067	34,950	33,476
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	3,542	3,406	3,406	3,406	3,406
Nợ dài hạn khác	777	8,250	8,221	8,221	8,221
Tổng nợ dài hạn	34,744	53,198	47,695	46,578	45,104
Tổng nợ phải trả	104,706	109,146	105,359	103,791	103,014
Vốn chủ sở hữu	26,153	26,560	34,773	39,452	46,148
Lợi ích cổ đông thiểu số	10,484	11,678	13,477	15,686	18,297
Tổng vốn chủ sở hữu	36,637	38,237	48,250	55,138	64,446
Tổng nợ phải trả và VCSH	141,343	147,383	153,609	158,929	167,460
BVPS (đ)	18,369	18,647	24,302	27,573	32,253
Nợ thuần*/(tiền mặt)	57,140	59,448	52,687	50,750	47,428

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	4,669	4,179	5,136	6,755	8,138
Khấu hao	(4,407)	(4,124)	(4,435)	(4,601)	(4,766)
Lãi vay thuần	(4,848)	(7,422)	(6,189)	(5,821)	(5,840)
Thuế TNDN đã nộp	(903)	(816)	(1,223)	(1,331)	(1,463)
Thay đổi vốn lưu động	(7,047)	631	(335)	(279)	(251)
Khác	(66.5)	(195)	(323)	(323)	(638)
LCT thuần từ HKKD	(3,789)	500	1,501	3,603	4,712
Đầu tư TS dài hạn	(4,165)	(2,229)	(2,132)	(2,850)	(2,802)
Góp vốn & đầu tư	(16,636)	709	0	0	0
Thanh lý	308	(28,674)	0	0	0
Khác	(5,954)	22,370	1,063	1,172	1,352
LCT thuần từ HĐĐT	(26,447)	(7,824)	(1,070)	(1,678)	(1,450)
Cổ tức trả cho CSH	0	0	0	0	0
Thu từ phát hành CP	(40.4)	71.1	0	0	0
Tăng/giảm nợ	23,104	(87,325)	(4,544)	(2,481)	(1,610)
Khác	(1,267)	90,800	15,953	12.7	60.6
LCT thuần từ HĐTC	21,796	3,546	11,409	(2,468)	(1,549)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	22,305	13,853	10,125	12,341	11,797
LCT thuần trong kỳ	(8,440)	(3,777)	11,840	(543)	1,712
Ảnh hưởng của tỷ giá	(11.8)	48.4	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	13,853	10,125	21,965	11,797	13,510
Dòng tiền tự do	(7,954)	(1,728)	(631)	753	1,910

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	27.6	28.3	29.3	30.5	31.4
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	11.9	10.6	11.4	12.7	13.6
Tỷ suất LNT (%)	4.68	0.54	2.49	5.22	7.06
Thuế TNDN hiện hành (%)	7.63	27.0	20.9	14.2	12.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	(14.0)	2.71	6.98	7.11	5.85
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(16.9)	(8.52)	15.3	18.7	13.6
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(58.3)	(88.3)	399	124	43.1
Tăng trưởng EPS (%)	(58.6)	(88.3)	397	124	43.1
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(58.6)	(88.3)	377	122	43.1
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	-	-	-
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	-	-	-	-
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	12.1	1.59	6.81	12.6	15.6
ROACE (%)	5.57	4.83	5.18	6.47	7.32
Vòng quay tài sản (lần)	0.57	0.54	0.56	0.57	0.58
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	(0.81)	0.12	0.29	0.53	0.58
Số ngày tồn kho	95.6	85.7	87.0	88.4	89.6
Số ngày phải thu	92.2	77.9	75.3	72.8	71.1
Số ngày phải trả	49.6	41.1	41.1	41.1	41.1
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	221	227	154	131	105
Nợ/tài sản (%)	50.6	47.8	42.9	40.0	37.0
EBIT/lãi vay (lần)	0.96	0.56	0.83	1.16	1.39
Nợ/EBITDA (lần)	7.88	8.48	6.89	5.59	4.80
Chỉ số TT hiện thời (lần)	0.73	0.87	0.90	0.92	0.97
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	2.13	2.11	1.89	1.75	1.62
EV/EBITDA ĐC (lần)	17.9	19.9	16.6	13.8	11.9
P/E (lần)	29.5	252	50.7	22.6	15.8
P/E ĐC (lần)	29.5	252	52.8	23.8	16.6
P/B (lần)	4.03	3.97	3.04	2.68	2.29
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-	-	-

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn